

Trong kim ngạch hàng XK, hàng hoá có xuất xứ từ Singapore đạt gần 23,56 tỷ SGD (giảm 22,05%) và hàng hoá có xuất xứ từ nước thứ 3 đạt hơn 30,48 tỷ SGD (giảm 8,02%), chiếm lần lượt 43,59% và 56,41% tổng kim ngạch XK của Singapore.

**Bảng 1: Thống kê tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Singapore với thế giới trong tháng 8 năm 2023**

*Đơn vị: nghìn SGD, %*

STT	Kim ngạch	T8/2022	T8/2023	Tăng, giảm (%)
1	Xuất nhập khẩu	121,829,757	103,367,169	-15.15
2	Xuất khẩu	63,363,749	54,042,300	-14.71
3	Nhập khẩu	58,466,009	49,324,868	-15.63
4	+ Hàng có xuất xứ từ Singapore	30,220,495	23,558,197	-22.05
5	+ Hàng tái xuất đi nước thứ ba	33,143,253	30,484,103	-8.02

Tính chung cả 8 tháng đầu năm 2023, kim ngạch (XNK) của Singapore với thế giới đạt gần 790,85 tỷ SGD, giảm 14,75 % so với cùng kỳ năm 2022, trong đó XK hơn 418,41 tỷ SGD (giảm 13,14%) và NK hơn 372,43 tỷ SGD (giảm 16,48%).

**Bảng 2: Thống kê tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Singapore với Thế giới trong 8 tháng đầu năm 2023**

*Đơn vị: nghìn SGD, %*

STT	Kim ngạch	T8/2022	T8/2023	Tăng, giảm (%)
1	Xuất nhập khẩu	927,650,242	790,847,363	-14.75
2	Xuất khẩu	481,720,291	418,417,038	-13.14
3	Nhập khẩu	445,929,952	372,430,325	-16.48
4	+ Hàng có xuất xứ từ Singapore	227,243,780	188,727,596	-16.95
5	+ Hàng tái xuất đi nước thứ ba	254,476,511	229,689,442	-9.74

**Bảng 3: Thống kê thương mại hai chiều của Singapore với 15 đối tác lớn nhất trong 8 tháng đầu năm 2023**

*Đơn vị: nghìn SGD, %*

STT	Đối tác	T8/2022	T8/2023	Tăng, giảm (%)
1	Trung Quốc	116,237,486	106,293,111	-8.56
2	Mỹ	89,090,885	85,326,390	-4.23
3	Malaysia	103,305,943	82,578,245	-20.06
4	Đài Loan	79,953,014	59,395,591	-25.71
5	Indonesia	52,127,434	45,807,630	-12.12

STT	Đối tác	T8/2022	T8/2023	Tăng, giảm (%)
6	Hong Kong	57,587,809	43,853,084	-23.85
7	Hàn Quốc	48,465,417	40,779,784	-15.86
8	Nhật Bản	44,227,007	35,930,543	-18.76
9	Thái Lan	29,229,237	27,220,739	-6.87
10	<b>Việt Nam</b>	<b>21,498,589</b>	<b>19,421,658</b>	<b>-9.66</b>
11	Australia	23,075,455	19,070,404	-17.36
12	Ấn Độ	20,919,000	19,063,999	-8.87
13	Đức	16,686,341	16,617,752	-0.41
14	Pháp	15,006,746	15,708,505	4.68
15	UAE	20,543,824	14,871,558	-27.61

Trong 8 tháng đầu năm 2023 (so với cùng kỳ 2022), kim ngạch XNK giữa Singapore với 14/15 đối tác lớn nhất (chiếm khoảng 79,91% tổng kim ngạch XNK của Singapore với thế giới) tăng trưởng âm, một số đối tác có mức giảm khá lớn như UAE (giảm 27,61%), Hong Kong (giảm 23,85%), Đài Loan (giảm 25,71%)... Trung Quốc, Mỹ và Malaysia tiếp tục là 3 đối tác thương mại lớn nhất của Singapore với tổng kim ngạch thương mại xấp xỉ lần lượt là: 106,29 tỷ SGD, 85,33 tỷ SGD và 82,58 tỷ SGD. Trong 8 tháng đầu năm, *Việt Nam giữ vị trí là đối tác thương mại lớn thứ 10 của Singapore*, với kim ngạch thương mại hai chiều khoảng 19,42 tỷ SGD, giảm 9,66%.

**Về nhập khẩu:** Trong 8 tháng đầu năm 2023, các thị trường nhập khẩu chính của Singapore vẫn là Trung Quốc, Mỹ, Malaysia, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Indonesia... Việt Nam hiện đứng thứ 21 trong số các đối tác nhập khẩu lớn nhất của Singapore. 17/21 đối tác nhập khẩu của Singapore có kim ngạch NK tăng trưởng âm, một số đối tác có mức giảm cao như Philippines (giảm 48,85%), UAE (giảm 33,51%), Đài Loan (giảm 27,21%)... Trung Quốc tiếp tục là thị trường nhập khẩu lớn nhất với kim ngạch hơn 50,48 tỷ SGD, giảm 10,07%. Tiếp theo sau là Mỹ (thứ 2) và Malaysia (thứ 3), với kim ngạch lần lượt là 45,25 tỷ SGD (giảm 3,97%) và 42,68 tỷ SGD (giảm 22,42%).

**Bảng 4: Thống kê nhập khẩu của Singapore với các đối tác lớn nhất trong 8 tháng đầu năm 2023**

*Đơn vị: nghìn SGD, %*

STT	Đối tác	7T/2022	7T/2023	Tăng, giảm (%)
1	Trung Quốc	56,137,085	50,485,690	-10.07
2	Mỹ	47,120,257	45,251,225	-3.97
3	Malaysia	55,016,943	42,679,458	-22.42
4	Đài Loan	56,490,100	41,119,039	-27.21
5	Hàn Quốc	29,993,212	21,971,465	-26.75
6	Nhật Bản	25,226,826	19,102,676	-24.28
7	Indonesia	17,072,738	14,424,589	-15.51
8	Pháp	11,426,110	12,633,504	10.57
9	Thái Lan	12,872,902	10,501,515	-18.42
10	UAE	15,268,903	10,152,859	-33.51
11	Đức	9,202,091	9,159,837	-0.46

STT	Đối tác	7T/2022	7T/2023	Tăng, giảm (%)
12	Anh	6,929,792	7,759,081	11.97
13	Thụy sỹ	9,941,071	7,521,864	-24.34
14	Ấn Độ	8,141,111	6,472,226	-20.50
15	Saudi Arabia	8,903,879	6,458,220	-27.47
18	Australia	7,261,315	5,855,422	-19.36
16	Brazil	6,529,794	5,316,695	-18.58
17	Qatar	4,630,172	4,994,773	7.87
19	Ý	4,428,649	4,957,462	11.94
20	Philipin	9,089,573	4,649,223	-48.85
21	<b>Việt Nam</b>	<b>5,400,530</b>	<b>4,259,064</b>	<b>-21.14</b>

**Về xuất khẩu:** Trong 8 tháng đầu năm 2023, các thị trường xuất khẩu chính của Singapore là Trung Quốc, Hong Kong, Mỹ, Malaysia, Indonesia, Hàn Quốc, Đài Loan... *Việt Nam là thị trường xuất khẩu thứ 10 của Singapore.* 2/20 thị trường xuất khẩu hàng đầu của Singapore vẫn giữ mức tăng trưởng dương nhưng ở mức thấp. Các thị trường xuất khẩu hàng đầu là Trung Quốc, Hong Kong, Mỹ lần lượt đạt kim ngạch 55,81 tỷ SGD (giảm 7,14%), 41,72 tỷ SGD (giảm 23,32%), và 40,1 tỷ SGD (giảm 4,52%).

**Bảng 5: Thống kê xuất khẩu của Singapore với 20 đối tác lớn nhất trong 8 tháng đầu năm 2023**

*Đơn vị: nghìn SGD, %*

STT	Đối tác	8T/2022	8T/2023	Tăng, giảm (%)
1	Trung Quốc	60,100,400	55,807,421	-7.14
2	Hong Kong	54,409,741	41,722,463	-23.32
3	Mỹ	41,970,628	40,075,165	-4.52
4	Malaysia	48,289,000	39,898,787	-17.37
5	Indonesia	35,054,696	31,383,041	-10.47
6	Hàn Quốc	18,472,205	18,808,319	1.82
7	Đài Loan	23,462,915	18,276,552	-22.10
8	Nhật Bản	19,000,181	16,827,866	-11.43
9	Thái Lan	16,356,335	16,719,224	2.22
<b>10</b>	<b>Việt Nam</b>	<b>16,098,059</b>	<b>15,162,593</b>	<b>-5.81</b>
11	Australia	15,814,140	13,214,982	-16.44
12	Ấn Độ	12,777,890	12,591,772	-1.46
13	Philippines	10,148,189	9,115,972	-10.17
14	Hà Lan	10,521,607	7,817,613	-25.70
15	Đức	7,484,250	7,457,915	-0.35
18	Bỉ	6,592,813	5,213,288	-20.92
16	UAE	5,274,921	4,718,699	-10.54
17	Liberia	4,905,091	4,697,699	-4.23
19	Panama	5,697,811	4,599,406	-19.28

20	Quần đảo Marshall	4,987,045	3,975,360	-20.29
----	-------------------	-----------	-----------	--------

#### Theo ngành hàng:

**Về XK:** Trong tháng 8, tất cả 4 ngành hàng XK chủ lực (kim ngạch trên 3 tỷ SGD) của Singapore ra thế giới tiếp tục tăng trưởng âm, cụ thể: máy móc, thiết bị, điện thoại di động và phụ kiện (19,14 tỷ SGD, giảm 14,10%); lò phản ứng, nồi hơi, máy công cụ và trang thiết bị phụ tùng của các loại máy trên (8,01 tỷ SGD, giảm 4,56%); xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ (6,89 tỷ SGD, giảm 16,45%), bưu phẩm (3,2 tỷ SGD, giảm 31,79%). Chỉ có 5/21 nhóm ngành có mức tăng trưởng dương là: Các sản phẩm từ sắt thép (tăng 15,78%); Máy quang học, dụng cụ đo lường, thiết bị y tế, đồng hồ, nhạc cụ và phụ kiện các loại (tăng 2,65%); Nhựa và các sản phẩm từ nhựa (tăng 9,83%); Đồng hồ, đồng hồ cá nhân và các bộ phận (tăng 9,18%).

**Về NK:** Trong tháng 8, cả 3 nhóm ngành hàng NK chủ lực đều sụt giảm, cụ thể: Máy móc, thiết bị, điện thoại di động và phụ kiện (15,39 tỷ SGD, giảm 20,94%), xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ (10,17 tỷ SGD, giảm 23,49%), Lò phản ứng, nồi hơi, máy công cụ và trang thiết bị phụ tùng của các loại máy trên (7,45 tỷ SGD, giảm 3,76%). 5/21 nhóm ngành hàng NK có tỷ trọng trung bình (dưới 3 tỷ SGD) tăng trưởng dương, một số nhóm có mức tăng khá tốt như: Phương tiện tàu bay, tàu vũ trụ & các bộ phận (tăng 109,12%). Da, các sản phẩm từ da và túi du lịch các loại (tăng 27,61%).

#### Phân tích cán cân XNK Việt Nam – Singapore:

**Về tổng quan,** trong tháng 8, tổng kim ngạch XNK giữa Việt Nam và Singapore đạt gần 2,62 tỷ SGD, giảm 11,21% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó XK từ Việt Nam sang Singapore chỉ đạt gần 553,28 triệu SGD, giảm 19,61% và NK từ Singapore vào Việt Nam hơn 2 tỷ SGD, giảm 8,65%.

Trong cơ cấu hàng hoá từ Singapore xuất sang Việt Nam, hàng hoá có xuất xứ Singapore đạt 504,82 triệu SGD, tăng 2,45% và hàng hoá từ nước 3 qua Singapore xuất sang Việt Nam đạt gần 1,56 tỷ SGD (chiếm 76% kim ngạch XK), giảm 11,75%. Mặc dù mức thâm hụt giữa NK và XK ước gần 1,51 tỷ SGD song nếu chỉ tính riêng cán cân thương mại giữa hàng hóa Việt Nam và hàng hóa có xuất xứ Singapore thì Việt Nam xuất siêu khoảng 48,46 triệu SGD.

Lũy kế 8 tháng đầu năm 2023, kim ngạch XNK hai chiều giữa Việt Nam và Singapore đạt hơn 19,42 tỷ SGD, giảm 9,66% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó XK đạt hơn 4,26 tỷ SGD, giảm 21,14% và NK gần 15,2 tỷ SGD, giảm 5,81%.

Xét về xuất xứ hàng hóa, thì hàng tạm nhập tái xuất qua Singapore vào Việt Nam chiếm 70,89% tổng kim ngạch hàng XK từ Singapore vào Việt Nam, tương đương 10,75 tỷ SGD. Trong khi đó, nếu tính riêng hàng hóa có xuất xứ từ Singapore, thì Việt Nam chỉ nhập siêu khoảng 155,09 triệu SGD.

**Bảng 6: Thống kê tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Singapore trong tháng 8 năm 2023**

*Đơn vị tính: nghìn SGD, %*

STT	Kim ngạch	T8/2022	T8/2023	Tăng, giảm (%)
1	Xuất nhập khẩu	2,947,375	2,616,970	-11.21
2	Xuất khẩu	688,285	553,285	-19.61

3	Nhập khẩu	2,259,090	2,063,685	-8.65
4	+ Hàng có xuất xứ từ Singapore	492,745	504,819	2.45
5	+ Hàng tái xuất từ nước thứ ba	1,766,345	1,558,866	-11.75

**Bảng 7: Thống kê tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Singapore trong 8 tháng đầu năm 2023**

*Đơn vị tính: nghìn SGD, %*

STT	Kim ngạch	8T/2022	8T/2023	Tăng, giảm (%)
1	Xuất nhập khẩu	21,498,589	19,421,658	-9.66
2	Xuất khẩu	5,400,530	4,259,064	-21.14
3	Nhập khẩu	16,098,059	15,162,593	-5.81
4	+ Hàng có xuất xứ từ Singapore	4,756,473	4,414,153	-7.20
5	+ Hàng tái xuất từ nước thứ ba	11,341,586	10,748,441	-5.23

#### ***Về nhóm ngành hàng xuất khẩu từ Việt Nam sang Singapore***

Trong tháng 8, 2/3 nhóm XK chủ lực của Việt Nam có mức tăng trưởng âm là Máy móc, thiết bị, điện thoại di động, linh kiện và phụ tùng các loại (giảm 22,06%); Lò phản ứng, nồi hơi, máy công cụ và trang thiết bị phụ tùng của các loại máy trên (giảm 30,05%). Nhóm sắt thép có mức tăng trưởng đột biến (tăng hơn 21,5 lần). Trong các nhóm ngành còn lại, một số nhóm có mức tăng trưởng mạnh như: Đồ chơi, thiết bị trò chơi, thiết bị và dụng cụ thể thao (tăng 350,55%); muối, lưu huỳnh, đất và đá, thạch cao, vôi và xi măng (tăng 163,39%). Đáng chú ý, nhóm Gạo và ngũ cốc tiếp tục có mức tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm trước cũng như so với các tháng gần đây (tăng 112,04% so với cùng kỳ và 60,3% so với tháng 7/2023)... Ở chiều ngược lại, một số nhóm có mức sụt giảm mạnh là Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh (giảm 64,56%); Máy quang học, dụng cụ đo lường, thiết bị y tế, đồng hồ, nhạc cụ và phụ kiện các loại (giảm 46,62%)...

**Bảng 7a: Thống kê kim ngạch những mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Singapore trong tháng 8 năm 2023**

*Đơn vị tính: nghìn SGD, %*

STT	Mặt hàng	T8/2022	T8/2023	Tăng, giảm (%)
1	Máy móc, thiết bị, điện thoại di động, linh kiện và phụ tùng các loại (HS 85)	294,549	229,569	-22.06
2	Lò phản ứng, nồi hơi, máy công cụ và trang thiết bị phụ tùng của các loại máy trên (HS 84)	114,008	79,747	-30.05
3	Sắt thép (HS 72)	1,611	36,370	2157.60
4	Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh (HS 70)	86,068	30,501	-64.56
5	Giày dép các loại (HS 64)	21,077	17,789	-15.60
6	Muối; lưu huỳnh; đất & đá; thạch cao, vôi & xi măng (HS 25)	6,511	17,149	163.39

7	Gạo và ngũ cốc (HS 10)	6,389	13,547	112.04
8	Quần áo may mặc (HS 61)	16,033	13,243	-17.40
9	Xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ (HS 27)	18,431	12,524	-32.05
10	Thủy sản (HS 03)	9,333	9,648	3.38
11	Quần áo may mặc không thuộc hàng dệt kim (HS 62)	11,800	8,128	-31.12
12	Da, các sản phẩm từ da và túi du lịch các loại (HS 42)	4,819	7,459	54.78
13	Giấy và các sản phẩm từ giấy (HS 48)	4,703	6,576	39.83
14	Máy quang học, dụng cụ đo lường, thiết bị y tế, đồng hồ, nhạc cụ và phụ kiện các loại (HS 90)	9,966	5,320	-46.62
15	Đồ chơi, thiết bị trò chơi, thiết bị và dụng cụ thể thao (HS 95)	1,007	4,537	350.55
16	Nhựa và các sản phẩm từ nhựa (HS 39)	3,657	3,941	7.77
17	Đồ nội thất và các sản phẩm liên quan khác (HS 94)	3,574	3,841	7.47
18	Xe cộ và các thiết bị vận tải ngoại trừ xe chạy trên đường ray (HS 87)	2,943	3,621	23.04
19	Thuốc lá và các sản phẩm thay thế thuốc lá (HS 24)	3,173	3,281	3.40
20	Đồng và sản phẩm từ đồng (HS 74)	2,789	3,266	17.10
21	Các chế phẩm từ thịt, cá, động vật, giáp xác, thân mềm và thủy sinh khác (HS 16)	4,031	3,256	-19.23

***Về nhóm ngành hàng nhập khẩu từ Singapore vào Việt Nam:***

9/21 nhóm ngành hàng NK có mức tăng trưởng dương, trong đó có 2/3 Nhóm NK lớn nhất là Xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ (tăng 55,25%) và Lò phản ứng, nồi hơi, máy công cụ và trang thiết bị phụ tùng của các loại máy trên (tăng 4,87%). Nhóm có kim ngạch NK lớn nhất là Máy móc, thiết bị, điện thoại di động, linh kiện và phụ tùng các loại mặc dù tăng trưởng âm so với cùng kỳ (giảm 17,65%), tuy nhiên so với tháng 7/2023 vẫn tăng 6,4% (đạt kim ngạch hơn 1,07 tỷ SGD), một số nhóm có mức tăng khá cao như Nhôm và sản phẩm từ nhôm (tăng 229,07%); Rượu và đồ uống (tăng 81,06%); Hàng hóa khác (tăng 85,04%).

**Bảng 7b: Thống kê kim ngạch những mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam từ Singapore trong tháng 8 năm 2023**

*Đơn vị tính: nghìn SGD, %*

STT	Mặt hàng	T8/2022	T8/2023	Tăng, giảm (%)
1	Máy móc, thiết bị, điện thoại di động, linh kiện và phụ tùng các loại (HS 85)	1,304,784	1,074,551	-17.65
2	Xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ (HS 27)	163,834	254,357	55.25
3	Lò phản ứng, nồi hơi, máy công cụ và trang thiết bị phụ tùng của các loại máy trên (HS 84)	195,220	204,730	4.87
4	Nhựa và các sản phẩm từ nhựa (HS 39)	117,484	113,581	-3.32
5	Nước hoa, mỹ phẩm (HS 33)	61,706	58,306	-5.51
6	Máy quang học, dụng cụ đo lường, thiết bị y tế, đồng hồ, nhạc cụ và phụ kiện các loại (HS 90)	31,374	36,836	17.41
7	Thức ăn và các sản phẩm chế biến (HS 21)	45,684	33,687	-26.26

8	Rượu và đồ uống (HS 22)	17,547	31,771	81.06
9	Hóa chất (HS 29)	38,914	24,051	-38.19
10	Phương tiện tàu bay, tàu vũ trụ & các bộ phận (HS 88)	24,358	22,847	-6.20
11	Các sản phẩm từ hóa chất (HS 38)	28,324	21,828	-22.93
12	Thuốc lá và các sản phẩm thay thế thuốc lá (HS 24)	12,306	15,662	27.27
13	Bru phẩm (HS 98)	33,018	14,936	-54.76
14	Giấy và các sản phẩm từ giấy (HS 48)	15,094	14,384	-4.70
15	Dược phẩm (HS 30)	17,899	9,349	-47.77
16	Nhôm và sản phẩm từ nhôm (HS 76)	2,814	9,260	229.07
17	Thuốc nhuộm, sơn, mực màu các loại (HS 32)	8,221	9,207	11.99
18	Hàng hoá khác (HS 99)	4,972	9,200	85.04
19	Đồng hồ, đồng hồ cá nhân và các bộ phận (HS 91)	9,661	9,176	-5.02
20	Xe cộ và các thiết bị vận tải ngoại trừ xe chạy trên đường ray (HS 87)	8,100	7,513	-7.25
21	Giày dép các loại (HS 64)	5,027	6,370	26.72

### Phân tích, đánh giá:

Tình hình thương mại trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2023 của Singapore với thế giới vẫn ở mức tiêu cực. Mức tăng trưởng thấp của các nền kinh tế lớn như Mỹ, Châu Âu và Trung Quốc ảnh hưởng trực tiếp đến động lực tăng trưởng của kinh tế Singapore, vốn phụ thuộc lớn vào nhu cầu bên ngoài để phát triển.

Mặc dù so với cùng kỳ năm 2022, một số chỉ tiêu kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và Singapore vẫn ở mức âm. Tuy nhiên so với tháng liền trước, các tín hiệu tích cực trong số liệu thương mại giữa hai nước trong tháng 8 về cơ bản vẫn được tiếp nối, cụ thể:

(i) Tổng giá trị kim ngạch 2 chiều trong tháng 8 vẫn tăng trưởng dương so với tháng 7/2023 (tăng 0,36%).

(ii) Kim ngạch của nhóm hàng có giá trị lớn nhất là Máy móc, thiết bị, điện thoại di động, linh kiện và phụ tùng các loại vẫn tăng trưởng dương ở cả hai chiều xuất khẩu (tăng 0,5%) và nhập khẩu (tăng 6,4%);

(iii) Kim ngạch xuất khẩu từ Việt Nam sang Singapore của nhóm ngành Gạo và Ngũ cốc tiếp tục tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước cũng như so với các tháng gần đây (tăng 112,04% so với cùng kỳ và 60,3% so với tháng 7/2023). Một số nhóm sản phẩm có mức tăng rất cao: sắt thép (2157%); Muối, lưu huỳnh, đất & đá, thạch cao, vôi & xi măng (163.39%); Đồ chơi, thiết bị trò chơi, thiết bị và dụng cụ thể thao (350.55%),...